

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện
Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh (vốn sự nghiệp)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 114/TTr-STC ngày 20/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh giảm dự toán kinh phí ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (vốn sự nghiệp) của Ban Dân tộc tỉnh tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh và bổ sung dự toán cho các đơn vị khác và UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, với tổng số tiền 17.274 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Dân tộc, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ

tịch UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Hội: LH Phụ nữ, Nông dân tỉnh;
- Tỉnh đoàn Bình Định;
- Liên minh HTX tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01

**TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH ĐÃ PHÂN BỐ THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 671/QĐ-UBND NGÀY 07/3/2023 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	18.600	
I	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	14.330	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	709	
	Huyện An Lão	198	
	Huyện Vĩnh Thạnh	358	
	Huyện Vân Canh	61	
	Huyện Hoài Ân	61	
	Huyện Tây Sơn	31	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	8.657	
2.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	6.926	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.926	
2.2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư</i>	1.731	
a	<i>* Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị</i>	1.359	
	Huyện An Lão	515	
	Huyện Vĩnh Thạnh	345	
	Huyện Vân Canh	309	
	Huyện Hoài Ân	133	
	Huyện Tây Sơn	57	
b	<i>* Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư</i>	372	
	Ban Dân tộc tỉnh (25%)	98	
	Sở Công Thương (20%)	78	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (5%)	20	
	Tỉnh đoàn (5%)	20	
	Hội Nông dân (5%)	20	
	Huyện An Lão	52	
	Huyện Vĩnh Thạnh	34	

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	Huyện Vân Canh	31	
	Huyện Hoài Ân	13	
	Huyện Tây Sơn	6	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	939	
	<i>Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	939	
	<i>Huyện An Lão</i>	350	
	Xã An Trung	43	
	Xã An Hưng	43	
	Xã An Dũng	44	
	Xã An Vinh	43	
	Xã An Quang	43	
	Xã An Nghĩa	43	
	Xã An Toàn	44	
	Thị trấn An Lão	40	
	Xã An Tân (Thôn Gò Đồn)	7	
	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	244	
	Xã Vĩnh Sơn	41	
	Xã Vĩnh Kim	42	
	Xã Vĩnh Hiệp	42	
	Xã Vĩnh Hòa	42	
	Xã Vĩnh Thuận	42	
	Thị trấn Vĩnh Thạnh (Khu phố Kon Kring và Khu phố Klot Pok)	14	
	Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)	14	
	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệp)	7	
	<i>Huyện Vân Canh</i>	212	
	Xã Canh Liên	44	
	Xã Canh Thuận	42	
	Xã Canh Hòa	44	
	Xã Canh Hiệp	43	
	Thị trấn Vân Canh	39	
	<i>Huyện Hoài Ân</i>	94	
	Xã Đăk Mang	31	
	Xã Bók Tới	31	
	Xã Ân Sơn	32	
	<i>Huyện Tây Sơn</i>	39	
	Xã Vĩnh An	34	

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sim)	5	
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	901	
	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh (30% vốn SN)	299	
	Huyện An Lão	220	
	Huyện Vĩnh Thạnh	161	
	Huyện Vân Canh	134	
	Huyện Hoài Ân	62	
	Huyện Tây Sơn	25	
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	2.978	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	2.978	
	Huyện An Lão	909	
	Huyện Vĩnh Thạnh	757	
	Huyện Vân Canh	984	
	Huyện Hoài Ân	237	
	Huyện Tây Sơn	91	
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	146	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	146	
	Ban Dân tộc tỉnh (26%)	39	
	Sở NN&PTNT (3%)	5	
	Sở Giáo dục và Đào tạo (3%)	5	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (3%)	5	
	Sở Văn hoá và Thể thao (3%)	5	
	Sở Y tế (3%)	5	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư (3%)	5	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (3%)	5	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (4%)	6	
	Sở Tài chính (2%)	3	
	Sở Tư pháp (2%)	3	
	Sở Công Thương (2%)	3	
	Hội Nông dân tỉnh (1,5%)	2	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (1,5%)	2	
	Huyện An Lão	20	
	Huyện Vĩnh Thạnh	13	
	Huyện Vân Canh	13	

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	Huyện Hoài Ân	5	
	Huyện Tây Sơn	2	
II	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	2.512	
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.512	
1.1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>	513	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	513	
1.2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN</i>	403	
a	<i>Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</i>	329	
	Ban Dân tộc tỉnh	329	
b	<i>Nội dung 2: đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN</i>	74	
	UBND huyện An Lão	74	
1.3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN</i>	980	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (60%)	616	
	Huyện An Lão	119	
	Huyện Vĩnh Thạnh	70	
	Huyện Vân Canh	157	
	Huyện Hoài Ân		
	Huyện Tây Sơn	18	
1.4	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	616	
	Ban Dân tộc tỉnh	616	
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1.067	
1	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	659	
	Sở Văn hóa và Thể thao (25%)	180	
	Sở Du lịch (5%)	36	
	Huyện An Lão	196	
	Huyện Vĩnh Thạnh	70	
	Huyện Vân Canh	141	
	Huyện Hoài Ân		
	Huyện Tây Sơn	36	

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	408	
2.1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030</i>	285	
	Ban Dân tộc tỉnh (35%)	109	
	Sở Tư pháp (5%)	15	
	Sở Thông tin và Truyền thông (5%)	15	
	Huyện An Lão	55	
	Huyện Vĩnh Thạnh	35	
	Huyện Vân Canh	35	
	Huyện Hoài Ân	16	
	Huyện Tây Sơn	5	
2.2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	123	
	Ban Dân tộc tỉnh (20% vốn SN)	26	
	Liên minh HTX tỉnh (15% vốn SN)	20	
	Sở Thông tin và Truyền thông (15% vốn SN)	20	
	Huyện An Lão	22	
	Huyện Vĩnh Thạnh	14	
	Huyện Vân Canh	13	
	Huyện Hoài Ân	6	
	Huyện Tây Sơn	2	
IV	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	362	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	362	
	Sở Y tế (50% vốn SN)	194	
	Huyện An Lão	64	
	Huyện Vĩnh Thạnh	40	
	Huyện Vân Canh	40	
	Huyện Hoài Ân	18	
	Huyện Tây Sơn	6	
V	SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	329	
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	329	

STT	Danh mục dự án	Kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	329	
	Ban Dân tộc tỉnh (30%)	109	
	Huyện An Lão	84	
	Huyện Vĩnh Thạnh	52	
	Huyện Vân Canh	52	
	Huyện Hoài Ân	24	
	Huyện Tây Sơn	8	

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC ĐƠN VỊ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán đã giao tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh (kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp))	Dự toán đề nghị điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng	18.600	17.274	-17.274	18.600	
I	Sự nghiệp kinh tế	14.330	14.193	-14.193	14.330	
1	Ban Dân tộc	14.330		-14.193	137	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT		6.931		6.931	
3	Sở Công thương		81		81	
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh		22		22	
5	Tỉnh đoàn		20		20	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo		5		5	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		5		5	
8	Sở Văn hoá và Thể thao		5		5	
9	Sở Y tế		5		5	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư		5		5	
11	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh		304		304	
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh		6		6	
13	Sở Tài chính		3		3	
14	Sở Tư pháp		3		3	
15	Hội Nông dân tỉnh		22		22	
16	Huyện An Lão		2.264		2.264	
17	Huyện Vĩnh Thạnh		1.912		1.912	
18	Huyện Vân Canh		1.744		1.744	
19	Huyện Hoài Ân		605		605	
20	Huyện Tây Sơn		251		251	
II	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.512	1.567	-1.567	2.512	
1	Ban Dân tộc	2.512		-1.567	945	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		513		513	
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		616		616	
4	Huyện An Lão		193		193	
5	Huyện Vĩnh Thạnh		70		70	
6	Huyện Vân Canh		157		157	
7	Huyện Hoài Ân		0		0	
8	Huyện Tây Sơn		18		18	
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin	1.067	932	-932	1.067	
1	Ban Dân tộc	1.067		-932	135	
2	Sở Văn hóa và Thể thao		180		180	
3	Sở Du lịch		36		36	
4	Sở Tư pháp		15		15	
5	Sở Thông tin và Truyền thông		35		35	
6	Liên minh HTX tỉnh		20		20	
7	Huyện An Lão		273		273	

STT	Đơn vị	Dự toán đã giao tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh (kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp)	Dự toán đề nghị điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
8	Huyện Vĩnh Thạnh		119		119	
9	Huyện Vân Canh		189		189	
10	Huyện Hoài Ân		22		22	
11	Huyện Tây Sơn		43		43	
IV	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	362	362	-362	362	
1	Ban Dân tộc	362		-362	0	
2	Sở Y tế		194		194	
3	Huyện An Lão		64		64	
4	Huyện Vĩnh Thạnh		40		40	
5	Huyện Vân Canh		40		40	
6	Huyện Hoài Ân		18		18	
7	Huyện Tây Sơn		6		6	
V	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	329	220	-220	329	
1	Ban Dân tộc	329		-220	109	
3	Huyện An Lão		84		84	
4	Huyện Vĩnh Thạnh		52		52	
5	Huyện Vân Canh		52		52	
6	Huyện Hoài Ân		24		24	
7	Huyện Tây Sơn		8		8	